TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/HS-ST
Ngày 13 - 11 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Nguyên.

Bà Phùng Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Dương Thị A, sinh ngày 16 tháng 12 năm 1998 tại huyện T, tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký thường trú: Xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Dương Văn N và bà: Luyện Thị H; chồng: Trần Đức Y (đã ly hôn); con: Có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/7/2018. Có mặt.

- Bị hại:

Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1961; nơi đăng ký thường trú: Khu B, thị trấn G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Ông Hoàng Văn Z, sinh năm 1958; nơi đăng ký thường trú: Khu B, thị trấn G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 21/6/2018 Hoàng Văn I, sinh năm 1988, trú tại Khu B, thị trấn G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, hiện đang học tại trường Đại học Nông lâm Bắc Giang rủ Dương Thị A về nhà Hoàng Văn I chơi. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 23/6/2018 chỉ có Dương Thị A ở nhà với cháu gái Lương Hoàng Ngọc X, sinh năm 2013 là con của chị gái Hoàng Văn I, A nhìn thấy cháu X cầm chùm chìa khóa chơi rồi để ở trên bàn ngoài phòng khách, A đã nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của bố, mẹ I. A cầm lấy chùm chìa khóa đi vào phòng ngủ của bố, mẹ I thấy ở góc phòng có một chiếc hòm bằng gỗ có khóa để ở trên một hòm gỗ khác và được đặt trên một chiếc bàn gần giường ngủ, phía trên nóc hòm có một chiếc chăn mỏng màu trắng. A dùng chùm chìa khóa mở khóa hòm đến chiếc chìa thứ 3 thì mở được, A mở hòm ra nhìn thấy trong hòm phía bên phải có 02 tập tiền. A cầm toàn bộ số tiền trên, khóa hòm lại như cũ rồi cất tiền vào túi xách nhựa màu hồng của mình đang treo trên móc quần áo cuối giường ngủ trong phòng khách ở gần cửa ra sân phía sau nhà, đặt lại chùm chìa khóa lên bàn. Đến 08 giờ 30 phút ngày 24/6/2018 A xin phép mọi người trong gia đình I và đón xe ô tô đi về trường Đại học Nông lâm Bắc Giang, khi ngồi trên xe ô tô A bỏ 02 tập tiền ra đếm, tập mệnh giá 100.000 đồng là 10.000.000 đồng, tập mệnh giá 500.000 đồng là 40.000.000 đồng và 30.000 đồng tiền lẻ, tổng số tiền A trộm được là 50.030.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khi đến thành phố P A về phòng trọ của Nguyễn Hữu C, sinh năm 1993, trú tại: Xóm K, xã H, huyện U, tỉnh Nghệ An. Sáng ngày 25/6/2018 A chuyển tiền vào tài khoản của C nhờ giữ hộ 20.000.000 đồng. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Lương Khăm S, sinh năm 1996, trú tại: Đội X, bản Y, xã Z, huyện D, tỉnh Nghệ An hỏi vay C tiền,C không có nên mượn A 1.500.000 đồng và đưa cho S mượn. Chiều ngày 26/6/2018 A cùng C và Nguyễn Văn L, sinh năm 1995, trú tại: Xóm A, xã D, huyện V, tỉnh Nghệ An đi Quảng Ninh chơi, trước khi đi, A cho L vay 4.000.000 đồng. Quá trình đi chơi ở Quảng Ninh từ ngày 26/6/2018 đến ngày 27/6/2018 thì quay lại Bắc Giang, mọi chi phí đều do A chi trả. Ngày 29/6/2018 A và C từ Bắc Giang về Nghệ An, C rút tiền từ tài khoản của C trả cho A 20.000.000 đồng, A cho C 3.000.000 đồng. Ngày 07/7/2018 A bảo L chuyển trả tiền cho A nhờ vào tài khoản của Nguyễn Thị M, sinh năm 1993, trú tại: Xóm G, xã E, thành phố B, tỉnh Nghệ An 1.000.000 đồng, L còn nợ A 3.000.000 đồng.

Ngày 02/7/2018 bà Hoàng Thị M là mẹ của Hoàng Văn I đã có đơn trình báo đến Công an huyện Chi Lăng về việc gia đình bị mất trộm tiền. Trong đơn bà M nêu: Ngày 12/6/2018 bị mất số tiền 6.895.000 đồng là tiền lương hưu của bố bà, được bà đi nhận hộ về chưa giao cho bố. Ông Hoàng Văn Z bị mất trộm trong vụ

án là 60.826.000 đồng Cơ quan điều tra đã xem xét nhưng không đủ cơ sở xác định nội dung như bà M và ông Z trình bày.

Ngày 08/7/2018 sau khi thu thập tài liệu, chứng cứ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng tiến hành đấu tranh với Dương Thị A tại Công an huyện V, tỉnh Nghệ An, A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp 500.000 đồng còn lại, cùng 01 chiếc túi xách bằng nhựa màu hồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng. Ngày 09/7/2018 sau khi biết tiền do A trộm cắp mà có, Lương Khăm S đã nộp lại 1.500.000 đồng, Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu C nộp lại mỗi người 3.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng. Đối với Lương Khăm S, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu C khi mượn tiền từ A hoàn toàn không biết tiền do A trộm cắp. Do đó không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo Dương Thị A mới nộp cho Tòa án 2.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại vào ngày 02/11/2018.

Tại bản Cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng đã truy tố bị cáo Dương Thị A về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Thị A đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản, cùng toàn bộ nội dung vụ án.

Kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên trình bày bản luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Dương Thị A theo tội danh và điều luật như trên. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Dương Thị A phạm tội: Trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo Dương Thị A từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật Dân sự. Bị cáo Dương Thị A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Hoàng Văn Z và bà Hoàng Thị M số tiền 50.030.000 đồng (năm mươi triệu không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn), xác nhận bị cáo đã bồi thường 2.000.000 đồng, (hai triệu đồng). Thu hồi được 8.000.000 đồng. Bị cáo còn phải bồi thường 40.030.000 đồng (bốn mươi triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả cho chủ sở hữu số tiền 8.000.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu hồng, là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo Dương Thị A không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chi Lăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị A khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản thực nghiệm điều tra do Công an huyện Chi Lăng lập ngày 10/7/2018, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Các chứng cứ đó phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi, có đủ cơ sở để kết luận:

[3] Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 23/6/2018 khi chỉ có Dương Thị A ở nhà với cháu gái Lương Hoàng Ngọc X, sinh năm 2013, A đã nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của bà Hoàng Thị M và ông Hoàng Văn Z. A cầm chùm chìa khóa đi vào phòng ngủ của ông Z, bà M. A dùng chùm chìa khóa mở khóa hòm, trộm cắp số tiền là 50.030.000 đồng, (năm mươi triệu không trăm ba mươi nghìn đồng), sau đó khóa hòm rồi đặt lại chùm chìa khóa lên bàn. Đến 08 giờ 30 phút ngày 24/6/2018 Dương Thị A đi về trường Đại học Nông lâm Bắc Giang. Theo đơn trình báo và yêu cầu của bị hại tại phiên tòa: Ngày 12/6/2018 bị mất số tiền 6.895.000 đồng. Ông Hoàng Văn Z bị mất trộm trong vụ án là 60.826.000 đồng. Cơ quan điều tra đã xem xét nhưng không đủ cơ sở xác định nội dung như bị hại trình bày, tại phiên tòa cũng không có thêm chứng cứ do đó không đủ căn cứ để buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm.

[4] Bị cáo Dương Thị A là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy có đủ khả năng để nhận thức việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích có tiền để sử dụng và tiêu sài cá nhân, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với giá trị lên tới 50.030.000 đồng. Vậy đã có đủ các căn cứ để kết luận bị cáo Dương Thị A phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Dương Thị A là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để thực hiện hành vi trộm cắp, xâm phạm đến

tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm, nhằm răn đe giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung tội phạm. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng truy tố bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Dương Thị A. Về tính chất, mức độ của hành vi: Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thỏa mãn nhu cầu cá nhân; về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt; về tình tiết tăng nặng: Không có; về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà Dương Thị A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên cho bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, tu dưỡng, sớm trở thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật. Tại Tòa án bị cáo có nộp 2.000.000 đồng, để bồi thường thiệt hại nhưng số tiền đó là không đáng kể so với thiệt hại mà bị cáo gây ra nên chưa đủ điều kiện cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[7] Trên cơ sở xem xét đánh giá tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thấy rằng bị cáo Dương Thị A có nhân thân tốt, nhưng hành vi phạm tội là nghiêm trọng, chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm, răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời tăng cường giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo vì không có khả năng thi hành, bị cáo không có nghề nghiệp, con còn nhỏ, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Dương Thị A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Hoàng Văn Z và bà Hoàng Thị M số tiền 50.030.000 đồng (năm mươi triệu không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn), xác nhận số tiền đã thu hồi và bị cáo đã nộp trả bị hại 10.000.0000 đồng, trong đó có 8.000.000 đồng thu hồi và 2.000.000 đồng do Dương Thị A tự nguyện nộp tại Tòa án để bồi thường; số tiền còn lại bị cáo phải trả bị hại là 40.030.000 đồng (bốn mươi triệu không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn) .

[9] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả cho chủ sở hữu số tiền 8.000.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu hồng, là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

[10] Về án phí: Bị cáo Dương Thị A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị

quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật Dân sự.; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Dương Thị A phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Dương Thị A 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Dương Thị A có trách nhiệm bồi thường cho ông Hoàng Văn Z và bà Hoàng Thị M, đều cư trú tại: Khu B, thị trấn G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 50.030.000 đồng (năm mươi triệu không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn), xác nhận số tiền đã thu hồi và bị cáo đã nộp trả bị hại 10.000.0000 đồng; số tiền còn lại bị cáo phải trả bị hại là 40.030.000 đồng (bốn mươi triệu không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn) .

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Hoàng Văn Z và bà Hoàng Thị M nếu bị cáo Dương Thị A chưa bồi thường được số tiền trên, thì bị cáo A còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc túi nhựa màu hồng đã qua sử dụng. Trả cho ông Hoàng Văn Z và bà Hoàng Thị M số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng ngày 30/10/2018 và theo giấy Ủy nhiệm chi số 37, lập ngày 26/10/2018 tại Kho bạc nhà nước Chi Lăng giữa Công an huyện Chi Lăng với Chi cục Thi hành án huyện Chi Lăng.).

Về án phí: Buộc bị cáo Dương Thị A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện.Chi Lăng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Chi Lăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thế Khuynh